

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 04 - 03 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Anh và Ông Đỗ Văn Kha

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 142/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn N (tên gọi khác: Mừng), sinh năm 1995 tại Bình Dương; nơi cư trú ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay ấp 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Tô Thị L, sinh năm 1970, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Trang Ng, sinh năm 2001, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/8/2018 cho đến nay “có mặt”.

Người bị hại:

Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1993; cư trú tại địa chỉ ấp 03, xã Th, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; cư trú tại địa chỉ ấp 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Dương Đức B, sinh năm 1997; cư trú tại địa chỉ ấp 04, xã L, huyện C, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1986; cư trú tại địa chỉ khu phố Tr, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/7/2017, Phạm Văn N mang cơm vào cho công nhân của Công ty Gran Gain (hay còn gọi là Công ty Fuma), thuộc xã T, thị xã Đ (nay là phường T, thành phố Đ). Khi N mang cơm về đến khu vực cổng của Công ty Gran Gain thì bị chị Trần Thị Thanh Th ngăn cản, không cho mang cơm vào Công ty nên hai bên xảy ra sự việc cãi nhau. Sau đó N điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi về phòng trọ lấy 01 con dao dài khoảng 50cm, bản rộng nhất 06cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn và sắc một phần lưỡi dao dắt vào người rồi quay lại Công ty Fuma. Tại đây, giữa N và chị Th tiếp tục cãi nhau. N rút con dao giấu trong người chém chị Th một cái hướng từ trái qua phải, từ trên xuống dưới vào khuỷu tay phải gây thương tích. Con dao dùng để chém chị Th, N đã vứt trên đường đi về phòng trọ (hiện không thu hồi được).

Ngày 15/5/2018, Tổ chức Giám định Pháp y tỉnh Bình Phước có kết luận giám định pháp y về thương tích số 122/2018/TgT kết luận: Chị Trần Thị Thanh Th gây lỗi cầu ngoài xương cánh tay phải đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện còn dụng cụ kết hợp xương; sẹo khuỷu phải phía trên – ngoài hình vòng cung kích thước (9x0,4)cm lõm gọn, hạn chế gấp duỗi khuỷu phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 21%.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị Thanh Th yêu cầu bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 60.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-ĐX ngày 27/12/2018, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ vẫn nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại chị Trần Thị Thanh Th yêu cầu bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn N đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của người bị hại, tuy nhiên do số tiền lớn, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn phải chấp hành án phạt nên đề nghị được bồi thường số tiền 60.000.000 đồng sau khi bị cáo chấp hành án phạt, chị Th tại phiên tòa cũng đồng ý theo đề nghị của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Phạm Văn N tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-ĐX ngày 27/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định pháp y về thương tích, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bức tức trước việc chị Trần Thị Thanh Th ngăn cản không cho mang cơm vào Công ty Gran Gain (Công ty Fuma) nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/7/2017 sau khi cãi nhau với chị Th tại công Công ty, Phạm Văn N đã về phòng trọ lấy 01 con dao dài khoảng 50cm, bản rộng nhất 06cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn và sắc một phần lưỡi dao quay lại chỗ chị Th, sau khi cả hai cãi nhau N đã lấy con dao chém chị Th một nhát hướng từ trái qua phải, từ trên xuống dưới vào khuỷu tay phải gây thương tích cho chị Th.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 122/2018/TgT ngày 15/5/2018 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh Bình Phước kết luận đối với thương tích của chị Trần Thị Thanh Th:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

-Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay phải đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện còn dụng cụ kết hợp xương;

+ Sẹo khuỷu phải phía trên – ngoài hình vòng cung kích thước (9x0,4)cm lồi gợn, hạn chế gấp duỗi khuỷu phải;

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 21% (Hai mươi một phần trăm).

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích 21% cho người bị hại nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ

khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc dùng con dao dài khoảng 50cm, bản rộng nhất 06cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn và sắc một phần lưỡi dao là hung khí nguy hiểm để chém vào cơ thể người bị hại sẽ xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại nhưng vì bức tức trước việc chị Th không cho bị cáo mang cơm vào cho công nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại cũng có một phần lỗi trong việc ngăn cản và xô sát đối với bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại chị Trần Thị Thanh Th yêu cầu bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn N đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của người bị hại, tuy nhiên do số tiền lớn, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn phải chấp hành án phạt nên đề nghị được bồi thường số tiền 60.000.000 đồng sau khi bị cáo chấp hành án phạt, chị Th tại phiên tòa cũng đồng ý theo đề nghị của bị cáo. Xét sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại tại phiên tòa là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn N có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Thanh Th số tiền 60.000.000 đồng.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo N phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 (PV 27 cũ) Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn An